

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 28/3/2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Sỹ.

2. Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991 - Nhân viên công ty Cổ phần S - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 442/2024/UQ-SVN ngày 05/5/2024); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thu T; sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 22/12/2020, bà Võ Thị Thu T và Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) đã ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số

DHM201201032NA19X để bảo đảm cho số tiền vay là 39.600.000 đồng. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô biển kiểm soát: 74F1-317.37; loại xe : Honda SH125I; màu: Trắng - Bạc - Đen; số khung: 7309KY049659; số máy: JF73E0182143; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025296 do Công an tỉnh Q cấp ngày 18/11/2019 mang tên bà Võ Thị Thu T, số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trục tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1398047103 theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/> Thời hạn cầm cố: 18 tháng (từ ngày 22/12/2020 - 22/06/2022) với mức lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố, phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Theo cam kết, hàng tháng bà Võ Thị Thu T phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 3.414.147 đồng (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) vào ngày 22 hàng tháng, tính từ tháng 01/2021 đến tháng 06/2022. Công ty đã giải ngân đủ số tiền vay 39.600.000 đồng cho bà Võ Thị Thu T.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên vào cùng ngày bà Võ Thị Thu T đã ký Giấy mượn xe để mượn lại xe, thời hạn mượn xe là 30 ngày, địa điểm trả xe là tại chi nhánh Đ1. Công ty Cổ phần S đã giao xe mô tô biển kiểm soát 74F1-317.37 cho bà Võ Thị Thu T mượn.

Quá trình trả nợ vay, bà Võ Thị Thu T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố cho Công ty. Tính đến ngày 28/3/2025 bà Võ Thị Thu T đã thanh toán cho Công ty số tiền 17.329.000 đồng; trong đó: Tiền gốc là 6.019.617 đồng; lãi trong hạn 1.647.190 đồng, lãi quá hạn 426.487 đồng và tiền phí 9.235.706 đồng.

Vì vậy, tại đơn khởi kiện Công ty Cổ phần S đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Thu T phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tính đến ngày 07/11/2024 là 106.973.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 33.580.383 đồng; lãi trong hạn 3.066.560 đồng; phí 7.905.207 đồng; lãi quá hạn 62.420.245 đồng. Trường hợp bà Võ Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 74F1-317.37; loại xe: Honda SH125I; màu: Trắng - Bạc - Đen; số khung: 7309KY049659; số máy: JF73E0182143; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025296 do Công an tỉnh Q cấp ngày 18/11/2019 mang tên bà Võ Thị Thu T để thanh toán nợ. Yêu cầu bà Võ Thị Thu T phải trả lại xe mô tô đã mượn của Công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ. Bà T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 28/3/2025 và tại phiên tòa, Công ty Cổ phần S Có Ngay thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Thu T phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 58.458.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 33.580.383 đồng; lãi trong hạn 3.066.560 đồng; lãi quá hạn 21.811.130 đồng. Yêu cầu bà T phải tiếp tục chịu lãi suất theo quy định pháp luật nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bà Võ Thị Thu T không thực hiện hoặc

thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 74F1-317.37; loại xe: Honda SH125I; màu: Trắng - Bạc - Đen; số khung: 7309KY049659; số máy: JF73E0182143; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025296 do Công an tỉnh Q cấp ngày 18/11/2019 mang tên bà Võ Thị Thu T để thanh toán nợ. Rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí 7.905.207 đồng, một phần tiền lãi quá hạn 40.609.115 đồng và rút yêu cầu về việc buộc bà T trả lại xe đã mượn cho Công ty Cổ phần S Có Ngay .

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Thu T gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bà T không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Thu T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 58.458.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 33.580.383 đồng; lãi trong hạn 3.066.560 đồng; lãi quá hạn 21.811.130 đồng. Trường hợp bà Võ Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125I, biển kiểm soát 74F1-317.37 để thanh toán nợ. Trường hợp bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số nợ còn phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Vào ngày 22/12/2020, Công ty Cổ phần S Có Ngay đã cho bà Võ Thị Thu T vay số tiền là 39.600.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM201201032NA19X đã ký kết. Thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150%/tháng mức lãi suất vay, phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế. Theo cam kết mỗi tháng bà T phải trả cho Công ty số tiền là 3.414.147 đồng (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) vào ngày 22 hàng tháng, tính từ tháng 01/2021 đến tháng 06/2022. Bà Võ Thị Thu T đã nhận đủ số tiền vay.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Thu T đã vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ vay. Tại các phiếu thu ngày 26/01/2021, ngày 03/3/2021, ngày 30/3/2021, ngày 10/5/2021, ngày 6/7/2021, bà T chỉ trả được cho công ty số tiền tổng số tiền 17.329.000 đồng; trong đó: Tiền gốc là 6.019.617 đồng; lãi trong hạn 1.647.190 đồng, lãi quá hạn 426.487 đồng và tiền phí 9.235.706 đồng.

Xét việc cho vay của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Võ Thị Thu T được lập tại Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM201201032NA19X ký ngày 22/12/2020 phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay về việc buộc bà T phải trả cho Công ty tổng số tiền đã vay còn nợ là 58.458.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 33.580.383 đồng; lãi trong hạn 3.066.560 đồng; lãi quá hạn 21.811.130 đồng. Trường hợp bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM201201032NA19X ký ngày 22/12/2020, bà Võ Thị Thu T đã cầm cố 01 xe mô tô biển kiểm soát: 74F1-317.37; loại xe: Honda SH125I; màu: Trắng - Bạc - Đen; số khung: 7309KY049659; số máy: JF73E0182143; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025296 do Công an tỉnh Q cấp ngày 18/11/2019 mang tên bà Võ Thị Thu T để đảm bảo cho khoản vay 39.600.000 đồng. Hợp đồng cầm cố được lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc các bên ký kết phải thực hiện. Vì vậy, trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã cầm cố để thu hồi nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 314 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với với khoản tiền phí là 7.905.207 đồng, một phần tiền lãi quá hạn là 40.609.115 đồng và rút

yêu cầu về việc buộc bà T trả lại xe đã mượn cho Công ty Cổ phần S Có Ngay. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện vì vậy cần đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu này.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Võ Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải trả, cụ thể: 58.458.000 đồng x 5% = 2.923.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 309, 310, khoản 2 Điều 314, Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay. Buộc bà Võ Thị Thu T phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền còn nợ là 58.458.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 33.580.383 đồng, lãi trong hạn 3.066.560 đồng, tiền lãi quá hạn 21.811.130 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà Võ Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 74F1-317.37; loại xe: Honda SH125I; màu: Trắng - Bạc - Đen; số khung: 7309KY049659; số máy: JF73E0182143; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025296 do Công an tỉnh Q cấp ngày 18/11/2019 mang tên bà Võ Thị Thu T để thanh toán nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay về khoản tiền phí là 7.905.207 đồng, một phần tiền lãi quá hạn là 40.609.115 đồng và yêu cầu về việc buộc bà T trả lại xe đã mượn cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Thu T phải chịu 2.923.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ

phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.674.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0000299 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Đương sự;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương